Tieu Bo I - Kinh Phat Thuyet Nhu Vay - 0

Kinh Tiểu Bộ — tập 1 (Khuddaka Nikāya)

Tieu Bo I - Kinh Phat Thuyet Nhu Vay - 0

font

Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Tập I

Kinh Phật Thuyết Như Vậy

Itivuttaka -ooOoo-

Mục Lục

Giới thiệu

Chương Một - Tập Một Pháp

Phẩm I, Phẩm II, Phẩm III

Chương Hai - Tập Hai Pháp

Phẩm I, Phẩm II

Chương Ba - Tập Ba Pháp

Phẩm I, Phẩm II, Phẩm III, Phẩm IV

Phẩm V

Chương Bốn - Tập Bốn Pháp

Phẩm I

Giới thiệu Tập Kinh Phật Thuyết Như Vậy

(Itivuttaka) Tỳ kheo Thanissaro

T ập kinh Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttaka), thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khudaka Nikaya), là một tập hợp 112 bài kinh ngắn, có tựa đề bắt nguồn từ câu "Đức Thế Tôn thuyết giảng như vầy" (Itivuttam). Tập kinh chia thành bốn chương: chương một pháp, chương hai pháp, chương ba pháp, và chương bốn pháp.

Tập kinh nầy do một vị nữ cư sĩ tên là Khujjuttara kết hợp sau khi thuật lại các lời giảng của Đức Phật, cho Hoàng hậu Samavati và các cung nữ khác của Vua Udena, xứ Kosambi. Hoàng hậu không thể rời hoàng cung để đến nơi Phật ngụ nghe Phật thuyết giảng, cho nên Hoàng hậu sai bà Khujjuttara đi nghe thuyết giảng, ghi nhớ, rồi trở về hoàng cung để thuật lại cho bà và 500 vị cung phi khác nghe. Bà Khujjuttara có trí nhớ lạ thường và rất thông minh, khéo giảng pháp, nên Đức Phật đã từng khen ngợi rằng bà là vị Đệ Nhất Thanh Văn trong hàng nữ đệ tử cư sĩ (Tăng Chi Bộ I.14). Bà cũng là một

vị thầy tài giỏi để hướng dẫn hoàng hậu và các cung phi khác trong việc hành trì Chánh Pháp. Khi nội cung bị hỏa hoạn làm thiệt mạng hoàng hậu và tất cả các cung phi, Đức Phật cho biết rằng tất cả các vị đó đã đắc quả giải thoát, tối thiểu là quả Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn) - như đã ghi lại trong kinh Phật Tự Thuyết (Ud VII.10).

Tên gọi "Itivuttaka" cũng được dùng trong bảng phân loại đầu tiên về 9 thể tài kinh điển Phật Giáo (*), một bảng phân loại có mặt trước khi có sự sắp đặt Tam Tạng Pali như chúng ta biết hiện nay. Thật khó mà biết chắc chắn rằng bản Itivuttaka Pali ngày nay có phải hoàn toàn là bản Itivuttaka nêu ra trong bảng phân loại đó hay không. Kinh tạng Hán văn có chứa bản dịch của Itivuttaka, thường cho rằng do ngài Huyền Trang dịch. Bản dịch nầy có rất nhiều đoạn giống như bản Itivuttaka Pali. Sự khác biệt chính yếu là bản dịch của ngài Huyền Trang không có nhiều bài kinh trong Chương III và hoàn toàn không có Chương IV. Có thể là những phần nầy đã được kết tập về sau trong tạng Pali, nhưng không được kết tập vào tạng Sanskrit để dịch ra Hán văn. Cũng có thể là ngài Huyền Trang không hoàn tất bản dịch vì nó được dịch trong những tháng cuối trong đời của ngài.

Lịch sử nguyên thủy của kinh Phật Thuyết Như Vậy có nhiều vấn đề phức tạp vì khởi thủy, kinh chỉ được truyền khẩu qua nhiều thế kỷ rồi mới được viết xuống giấy. Tuy nhiên đây là một trong những bộ kinh trong tạng Pali rất được nhiều người quý chuộng vì tập kinh bao gồm các bài giảng của Đức Phật với nhiều đề tài giáo lý căn bản - từ giản dị đến sâu sắc - trong một hình thức rõ ràng, ngắn gọn và trực tiếp.

(*) 9 thể tài: Kinh (sutta), Ứng tụng (geyya), Biện giải (veyyākarana), Kệ tụng (gātha), Cảm hứng ngữ (hay Tự thuyết) (udāna), Như thị ngữ (hay Bổn sự) (itivuttaka), Bổn sanh (jātaka), Vị tằng hữu (abbhutadhamma), và Phương quảng (vedalla).

Tỳ kheo Thanissaro

(Bình Anson lược dịch)

[^]

Giới Thiệu Kinh Phật Thuyết Như Vậy

(Itivuttaka) Hòa thượng Thích Minh Châu

T ập Itivuttaka - "Kinh thuyết như vậy", thuộc Bộ Khuddaka Nikàya (Tiểu Bộ Kinh) gồm có 112 kinh với các bài kệ, chia thành 4 chương, chương một pháp, chương hai pháp, chương ba pháp, chương bốn pháp. Như vậy là một sự phân loại các đề tài theo pháp số, như kiểu tập Tăng Chi Bộ Kinh. Sở dĩ được gọi là "Itivuttaka: Thuyết như vậy", là vì phần lớn các kinh này đều bắt đầu với câu: "Đây là điều đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A la hán nói đến và tôi đã được nghe", và được kết luận với câu: "Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe". Có một số kinh ở chặng giữa không có các câu mở đầu và câu kết như thế này, nhưng đến các kinh cuối lại được ghi trở lại.

Theo truyền thống, như đã được ghi trong tập sớ được xem là của tôn giả Dhammapàla, Khujjuttarà một nữ cư sĩ, thường đi nghe Thế Tôn thuyết pháp cho

chúng tỷ kheo, nàng ngồi sau lưng một bức màn trở thành một bậc đa văn, nghe nhiều, giỏi về chánh pháp và giỏi về trí tuệ. Nàng được nội cung của Vua Udena yêu cầu nói lại những điều đã được nghe và sau khi nghe, học thuộc lòng những điều đã được nghe. Nàng được Thế Tôn khen và gọi là đa văn đệ nhất. Theo truyền thống, chính là tập Itivuttaka này, nàng đã được nghe và truyền tụng lại. Tập sớ có ghi rằng chúng tỷ kheo cũng học thuộc lòng tập kinh này, và chính tôn giả Ananda đã đọc lại bộ kinh này, trong kỳ kiết tập thứ nhất ở Ràjagahà (Vương xá). Các kinh ở chương bốn pháp dài hơn và không có kinh Hán tạng tương đương và được xem là ghi chép về sau. Một số kinh trong tập này được tìm thấy trong tập Tăng Chi Bộ Kinh và Puggala-pannatti. (Theo sự chú giải của bản dịch Anh văn).

Về phương diện nội dung tập Itivuttaka không đề cập tới đời sống đức Phật, đời sống các đại đệ tử của đức Phật như chúng ta được thấy trong tập Udàna. Tập này chú trọng nhiều hơn đến phần giáo lý căn bản, định nghĩa những pháp số, phân loại theo bốn chương một pháp, hai pháp, ba pháp, bốn pháp. Nói một cách khác, một số đề tài đã được lựa chọn, định nghĩa, giải thích một cách ngắn gọn để các đệ tử có thể tìm hiểu, học thuộc lòng và nắm giữ được phần căn bản trong giáo lý của đức Phật. Như vậy, giải thích được truyền thống: xem rằng chính Khujjuttarà, nghe được những lời Thế Tôn dạy, nhớ lấy rồi thuyết lại cho các đệ tử khác, nhờ vậy tập nầy được lưu truyền.

Kinh "Phật thuyết như vậy", xuất xứ từ kinh Tạng Pàli là kinh thuộc kinh điển Thượng Tọa Bộ, trung thành gìn giữ lời dạy của đức Phật.

Trước hết, kinh này không đề cập đến Abhidhamma (Thắng Pháp, Vi Diệu Pháp), không đề cập đến các chuyện tiền thân (Jàtaka) và như vậy kinh này không thuộc về văn học Abhidhamma và văn học Jàtaka -- hai văn học này chỉ được bắt nguồn, kết thành trong giai đoạn thứ hai là giai đoạn các học phái, từ khoảng 300 năm đến 100 năm trước kỷ nguyên. Kinh này không nằm trong giai đoạn phát triển thứ ba là thời hưng khởi của Đại thừa (100 năm trước kỷ nguyên đến 100 năm sau kỷ nguyên). Như vậy, kinh này nằm trong giai đoạn đạo Phật nguyên thủy khoảng 450 năm đến 350 năm trước kỷ nguyên khi lời dạy của đức Phật chưa bị pha trộn, xen lẫn bởi những phát triển về sau. Sự kiện này được phần nội dung của kinh này chứng minh như chúng ta sẽ rõ sau này, và cũng được xác định theo truyền thống, vì kinh này được nữ cư sĩ Khujjuttarà đích thân nghe đức Phật rồi về thuyết giảng lại để được học hỏi ghi nhớ và truyền lại cho đến ngày nay.

Nói về đức Phật hiện tại và rộng hơn nữa, nói về Như Lai (Tathagata), chúng ta sẽ thấy đức Phật chưa được thần thánh hóa, chưa dùng thần thông để hóa độ chúng sanh.

Như Lai được diễn tả như một bực đã giác ngộ thế giới, "Thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt."

"Này các tỷ kheo, thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác, Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các tỷ kheo, thế giới tập khởi được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các tỷ kheo, Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các tỷ kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai Chánh đẳng giác; con

đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai đã tu tập."

"Cái gì này các tỷ kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới cùng với quần chúng Sa môn, Bà la môn chư Thiên và loài người được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai Chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các tỷ kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết bàn, không có dư y, trong thời gian ấy điều gì Ngài nói, tuyên bố nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được, do vậy được gọi là Như Lai.

"Này các tỷ kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy; vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên được gọi Như Lai.

"Này các tỷ kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa môn, Bà la môn, chư Thiên và loài người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị chiến bại, toàn tri, toàn kiến, được tự tại, do vậy được gọi là Như Lai (Kinh số 112)."

Hình ảnh Như Lai là vậy, hình ảnh Thế Tôn không có khác hơn, ở đây Thế Tôn tượng trưng cho Pháp và những ai thấy pháp, sống theo Pháp, người ấy mới gần Thế Tôn như kinh số 92 nêu rõ:

"Này các tỷ kheo, nếu một tỷ kheo nắm lấy viền áo Tăng già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tỉnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy.

"Vì cớ sao? Này các tỷ kheo, tỷ kheo ấy không thấy pháp. Do không thấy pháp nên không thấy Ta. Này các tỷ kheo, nếu tỷ kheo sống xa đến 100 do tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tỉnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy.

"Vì cớ sao? Này các tỷ kheo, tỷ kheo ấy thấy pháp. Do thấy pháp nên thấy Ta".

Trong kinh số 100, chính Đức Phật tự tả mình như sau:

"Này các tỷ kheo, Ta là Bà la môn, người được đến yêu cầu (yàcayogo), tay luôn luôn thanh tịnh (payatapàni) mang thân cuối cùng, vô thượng y sĩ chữa trị (bhisakko) y sĩ giải phẫu (sallakatta). Các ngươi thật là con của Ta (arasà) từ miệng sanh, từ pháp sanh, từ pháp tạo thành, thừa tự pháp, không thừa tự tài vật."

Đức Phật tự xưng là y sĩ chữa trị (bhisakkà), tự xưng là y sĩ giải phẫu (sallakatta). Ngài xem các đệ tử như con của Ngài, từ miệng sanh, từ pháp sanh, là những con cháu thừa tự pháp. Đâu đâu cũng thấy vai trò trọng yếu của chánh pháp, vì đức Phật là tượng trưng cho Pháp, tự miệng mình thuyết pháp độ chúng sanh. Rõ hơn nữa là xác nhận hai loại thuyết pháp của đức Phật, như kinh 35 đã nêu rõ:

"Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A la hán, chánh đẳng giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai? Hãy thấy Ác là ác. Đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thấy ác là ác, ở đây hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly! Đây là thuyết pháp thứ hai!"

Đức Phật đã là đức Phật nguyên thủy, thời mục đích của sự tu hành, sự cứu cánh của Phạm hạnh và mục tiêu giải thoát giác ngộ là những mục tiêu trung thành với giáo pháp chánh thống nguyên thủy.

Mục đích của đạo Phật là giải quyết vấn đề sanh lão bệnh tử, tức là chấm dứt sự đau khổ cho con người. Và đoạn kinh sau này xác chứng rằng sự đau khổ có thể được chấm dứt và trạng thái đau khổ được chấm dứt là Niết bàn. Dưới đây là định nghĩa của Niết bàn ấy trong kinh số 44:

"Này các tỷ kheo, có hai Niết bàn giới này. Thế nào là hai? Niết bàn giới có dư y và Niết bàn giới không dư y.

"Này các tỷ kheo, thế nào là Niết bàn giới có dư y? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo là bậc A la hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích: hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại. Ngang qua các căn ấy, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý, vì rằng tự ngã không có thương hại nên cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các tỷ kheo, đây gọi là Niết bàn có dư y.

"Này các tỷ kheo, thế nào là Niết bàn không có dư y? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo là bậc A la hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu".

Một kinh nữa, kinh số 43 xác nhận sự hiện diện của trạng thái giải thoát này, ngay trong đời hiện tại, có mặt trên quả đất này:

"Này các tỷ kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các tỷ kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thời ở đây không có thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì này các tỷ kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra".

Ở đây, có hai nhận xét quan trọng. Đức Phật khi nhập Niết bàn có dư y ở Kusinàra, không phải là mất hẳn, tiêu diệt hoàn toàn, vì như vậy là theo thuyết đoạn diệt đạo Phật không chấp nhận. Ở đây, tham sân si không còn, lạc thọ khổ thọ không khởi lên, nhưng mọi cảm thọ đều được lắng dịu, mát lạnh, thanh lương. Nhận xét quan trọng thứ hai là sự đau khổ có thể đoạn diệt ngay trong đời sống hiện tại với những vị đã chứng quả A la hán. Và dầu chưa chứng được quả A la hán, nếu hành trì theo lời Phật dạy, thời có thể đoạn trừ dần dần các sự khổ đau.

Vấn đề quan trọng thứ hai, sau mục đích giải thoát và giác ngộ là những pháp môn giúp người tu hành đạt đến mục đích đoạn tận khổ đau. Chúng ta sẽ thấy pháp môn tuy

nhiều, nhưng không bao giờ ra ngoài pháp môn Giới-Định-Tuệ, pháp môn duy nhất để đưa người hành trì đoạn tận khổ đau.

"Này các tỷ kheo, một tỷ kheo có giới tốt lành (kalyàmasìlo), có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành, được gọi trong pháp và luật này là vị toàn hảo.

"Này các tỷ kheo, một tỷ kheo có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong pháp và luật này là vị toàn hảo (kevalì). Này các tỷ kheo, thế nào là giới tốt lành? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Pàtimokkha đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy này các tỷ kheo, là tỷ kheo có giới tốt lành. Và thế nào là có pháp tốt lành? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập bảy pháp giác chi. Như vậy này các tỷ kheo, là tỷ kheo có pháp tốt lành. Và thế nào là tuệ tốt lành? Ở đây này các tỷ kheo, tỷ kheo do diệt trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng tri chứng ngộ chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các tỷ kheo là tỷ kheo có tuệ tốt lành. Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong pháp và luật này là vị toàn hảo (kevalì) (Kinh số 97)."

Cũng theo chiều hướng trên, ba hình ảnh được phát họa diễn tả ba hạng người, tùy theo mức độ đối trị được với dục và hữu:

"Này các tỷ kheo, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các tỷ kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ấy là hạng bất lai, không trở lui lại có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là những bậc A la hán, đã đoạn tận các lậu hoặc (Kinh 97)."

Tiếp theo là một số phương pháp tu học, một nếp sống đưa đến hai quả Chánh trí hay nếu có dư y thời được quả Bất lai, những quả cao nhất trong con đường tu hành, nghĩa là đoạn tận được khổ đau.

"Này các tỷ kheo, hãy sống ưa muốn ẩn dật, thiền tịnh, thích thú ẩn dật thiền tịnh, thành tựu quán tri, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống (Kinh số 45)."

"Này các tỷ kheo, hãy an trú vào lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lỏi cây giải thoát, cho niệm được tăng trưởng... (Kinh số 46)."

"Này các tỷ kheo, tỷ kheo phải sống cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác, thiền tịnh, hoan hỷ, tín thanh và ở đây quán tri đúng thời trong các pháp thiện... (Kinh số 47)"

Những vị thực hành theo pháp môn này thời có hy vọng đoạn trừ được khổ đau.

Đức Phật còn dạy tỷ kheo làm thế nào đã đối trị 3 cảm thọ -- lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ:

"Này các tỷ kheo, lạc thọ cần phải được xem như là khổ, khổ thọ cần phải được xem như là vô thường. Vì rằng, này các tỷ kheo, tỷ kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem

khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường. Này các tỷ kheo, tỷ kheo này gọi là bậc Thánh, đã chân chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải tỏa kiết sử, đã chân chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau." (Kinh số 53)

"Này các tỷ kheo, cần phải quán sát một cách như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng, tâm không trú trước nội tâm, không chấp thủ không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh, tập khởi của khổ về sanh già chết trong tương lai (Kinh số 94)."

"Này các tỷ kheo, những Sa môn hay Bà la môn nào không như thật quán tri đây là khổ tập, không như thật quán tri đây là khổ diệt, không như thật quán tri đây là con đường đưa đến khổ diệt. Những Bà là môn ấy, này các tỷ kheo, không được Ta chấp nhận là Sa môn trong các hạng Sa môn hay Bà la môn trong các hạng Bà la môn. Với các vị tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa môn hạnh hay mục đích Bà la môn hạnh. Những Sa môn hay Bà la môn nào, này các tỷ kheo, như thật quán tri đây là khổ, như thật quán tri đây là khổ tập, như thật quán tri đây là khổ diệt, như thật quán tri đây là con đường đưa đến khổ diệt, thời, này các tỷ kheo, các Sa môn hay Bà la môn ấy được Ta chấp nhận là Sa môn trong các hạng Sa môn hay Bà la môn trong các hạng Bà la môn và các vị tôn giả ấy, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ chứng đạt và an trú mục đích Sa môn hạnh hay mục đích Bà la môn hạnh (Kinh số 103)." (...)

Hòa thượng Thích Minh Châu

Thiền viện Vạn Hạnh

Sài Gòn, 1978 (PL. 2522)

[1-2][3][4][^]

[Mục Lục Tiểu Bộ] [Trở về trang Thư Mục]

Revised: 01-01-2005

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.